

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 17 - 7 - 2023.

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Ông Ngô Quốc Tiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Gi, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Lương Văn H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ hiện nay: Ấp Hòa Trục, xã Hòa Tú 1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Đỗ Ngọc D, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Lương Văn H1, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 27/3/2023, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Văn Gi trình bày: Vào năm 2015 ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 12/6/2015. Ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D chung sống hạnh phúc được 06 tháng. Đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Kể từ năm 2015 vợ chồng không còn sống chung đến nay. Ông Gi xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn hôn nhân nên Ông Gi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Đỗ Ngọc D.

Về con chung: Ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Đối với bị đơn bà Đỗ Ngọc D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Đỗ Ngọc D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà D không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn

bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

Về nội dung:

[2] Vụ kiện của ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 12/6/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo cho bà Đỗ Ngọc D về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 73/TB-TLVA ngày 24/5/2023, thông báo cho các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D, nhưng bà D vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Ông Gi giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà D. Xét thấy, kể từ năm 2015 sau khi đăng ký kết hôn thì Ông Gi và bà D chung sống hạnh phúc được 06 tháng, đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do không hợp nhau, vợ chồng không chung sống với nhau đến nay. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D không đạt được, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Văn Gi.

[3] Về con chung: Ông Đỗ Văn Gi và bà Đỗ Ngọc D không có con chung, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Văn Gi phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn Gi được quyền ly hôn với bà Đỗ Ngọc D.

[2] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không cần giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Văn Gi phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Ông Gi đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007480 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, Ông Gi đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ